

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/DS-PT
Ngày: 07-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân
Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn X, sinh năm 1963.

Cư trú tại: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958.

2.2 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961.

Cùng cư trú tại: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1965.
Cư trú tại: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P.

(Ông X, bà P, bà N có mặt;

Ông Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn X trình bày như sau:* Từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2017 ông X bán cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P 02 lần vật tư nông nghiệp, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 05/5/2017 ông X bán vật tư nông nghiệp cho ông Đ và bà P với số tiền 181.080.000đ. Ông X đã đòi nhiều lần nhưng ông Đ và bà P không trả số tiền trên cho ông X. Nay ông X khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà P trả 181.080.000đ gốc và lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 05/5/2017 đến ngày 05/11/2017 là 6 tháng, thành tiền 9.017.784đ. Tổng cộng gốc và lãi là 190.097.784đ.

Lần 2: Vào ngày 05/7/2017 ông X bán vật tư nông nghiệp cho ông Đ và bà P với số tiền 45.621.000đ, ông X đã đòi nhiều lần nhưng ông Đ và bà P không trả số tiền trên cho ông X. Nay ông X khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà P trả 45.621.000đ gốc và lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 05/7/2017 đến ngày 05/11/2017 là 4 tháng, thành tiền 1.514.617đ. Tổng cộng gốc và lãi là 47.135.617đ.

Như vậy, ông X yêu cầu ông Đ và bà P trả 02 lần tiền vay với số tiền gốc là 226.701.000đ, lãi suất 10.532.401đ, tổng cộng gốc và lãi là 237.233.401đ. Đến giữa tháng 11 năm 2017 ông Đ và bà P có trả cho ông X số tiền 150.000.000đ. Do đó ông X yêu cầu ông Đ và bà P phải trả cho ông X tiếp số tiền 87.233.401đ còn lại phát sinh từ hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông X cung cấp: Biên bản hòa giải ngày 08/10/2017 tại ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

**Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ và bà P theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị N trình bày: Bà N là vợ ông X, bà N thống nhất như lời trình bày của ông X.*

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 09/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa đã căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440, 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho ông Lê Văn X 87.233.401đ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P chậm trả thì ông Đ và bà P trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P liên đới phải chịu 4.361.670đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Lê Văn X không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông X 2.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003817 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 05/3/2018, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông Đ và bà P chỉ đồng ý trả cho ông Lê Văn X 59.000.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị P trình bày bà và ông Nguyễn Văn Đ đồng ý cùng liên đới trả cho ông Lê Văn X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp, bà P yêu cầu ông X không tính tiền lãi.

Ông X yêu cầu ông Đ và bà P liên đới trả 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp. Do đến ngày 11/10/2017, ông Đ và bà P không trả cho ông X tổng cộng 226.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp theo Biên bản hòa giải ngày 08/10/2017 nên ông X yêu cầu ông Đ và bà P phải liên đới trả tiền lãi tính từ ngày 12/10/2017 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử (ngày 09/02/2018) theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Về việc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông Lê Văn X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp và yêu cầu không tính tiền lãi:

- Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông X và bà P trình bày thống nhất ông Đ và bà P còn nợ ông X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp. Do đó, buộc ông Đ và bà P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp.

- Về tiền lãi: Do đến ngày 11/10/2017, ông Đ và bà P không trả cho ông X tổng cộng 226.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp theo Biên bản hòa giải ngày 08/10/2017 nên ông X yêu cầu ông Đ và bà P phải liên đới trả tiền lãi tính từ ngày 12/10/2017 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử (ngày 09/02/2018) theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét việc ông X yêu cầu tính tiền lãi như trên là có lợi cho phía ông Đ và bà P nên được chấp nhận.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Xét ngày 23/4/2018, ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về việc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P kháng cáo đồng ý trả cho ông Lê Văn X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Vào năm 2017, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông Lê Văn X. Tính đến tháng 10/2017, ông Đ và bà P còn nợ ông X tổng cộng 226.701.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp. Tại Biên bản hòa giải ngày 08/10/2017 (Bút lục số 22,23), ông Đ và bà P thỏa

thuận sẽ trả cho ông X hết số tiền 226.701.000 đồng vào ngày 11/10/2017. Đến ngày 04/11/2017, ông Đ và bà P có trả cho ông X 150.000.000 đồng, còn lại 76.701.000 đồng cho đến nay chưa trả.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông X và bà P trình bày thống nhất là ông Đ và bà P còn nợ ông X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp. Do đó, buộc ông Đ và bà P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp.

[4] Về việc bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu ông Lê Văn X không tính tiền lãi: Xét do đến ngày 11/10/2017, ông Đ và bà P không trả cho ông X tổng cộng 226.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp theo Biên bản hòa giải ngày 08/10/2017 nên ông X yêu cầu ông Đ và bà P phải liên đới trả tiền lãi tính từ ngày 12/10/2017 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử (ngày 09/02/2018) là 03 tháng 27 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có lợi cho phía ông Đ và bà P nên được chấp nhận. Do đó, ông Đ và bà P phải liên đới trả cho ông X: $76.701.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 2.482.800 \text{ đồng}$.

[5] Từ nhận định ở [3] và [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Ông Lê Văn X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X được chấp nhận là: $05\% \times 79.183.800 \text{ đồng} = 3.959.190 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958, tính đến nay đã 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009. Đồng thời bà P có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh gia đình khó khăn và được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 23/4/2018. Do đó, ông Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà P được giảm một phần tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên. Như vậy, bà P phải nộp: $\frac{1}{2} \times 3.959.190 \text{ đồng} = 989.798 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 13, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P trả tiền nợ mua vật tư nông nghiệp.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho ông Lê Văn X 76.701.000 đồng tiền nợ mua vật tư nông nghiệp và 2.482.800 đồng tiền lãi, tổng cộng là 79.183.800 đồng (Bảy mươi chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị P phải nộp 989.798 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Lê Văn X 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003817 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003951 ngày 05/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003950 ngày 05/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn